

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2021/DS-PT
Ngày 01 – 12 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 và 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Hồng T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị Huỳnh E, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Hồng T trình bày: Từ năm 2013 âm lịch đến năm 2015 âm lịch, bà có tham gia hụi do ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E làm chủ cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Ngày 30/5/2013 (âl) mở dây hụi 500.000 đồng, dây hụi gồm

60 phần, bà T có tham gia 01 phần trong danh sách hội theo thứ tự số 10 tên Thâm + Thúy. Đối với dây hội này bà T đã đóng được 59 lần đến khi kết thúc, tương ứng với số tiền (500.000 đồng x 01 x 59 lần) – 300.000 đồng tiền còn = 29.200.000 đồng.

Dây thứ hai: Ngày 15/01/2013 (âl) mở dây hội 500.000 đồng, dây hội gồm 66 phần, bà T có tham gia 02 phần trong danh sách hội theo số thứ tự 20 tên Thâm + Điệp. Đối với dây hội này bà T đã đóng được 64 lần, tương ứng với số tiền (500.000 đồng x 02 x 64 lần) – 600.000 đồng tiền còn = 63.400.000 đồng.

Dây thứ ba: Ngày 15/01/2015 (âl) mở dây hội 500.000 đồng, dây hội gồm 36 phần, bà T có tham gia 01 phần trong danh sách hội tên Tài + Điệp. Đối với dây hội này bà T đã đóng được 27 lần, tương ứng với số tiền (500.000 đồng x 01 x 27 lần) – 300.000 đồng tiền còn = 13.200.000 đồng.

Dây thứ tư: Ngày 30/01/2013 (âl) mở dây hội 1.000.000 đồng, dây hội gồm 48 phần, bà T có tham gia 01 phần trong danh sách hội số thứ tự 6 tên Anh xuôi 3 Tây + Thâm Điệp. Đối với dây hội này bà T đã đóng được 36 lần, tương ứng với số tiền (1.000.000 đồng x 01 x 36 lần) – 600.000 đồng tiền còn = 35.400.000 đồng. Đồng thời đối với dây hội này ông H và bà E có bán cho bà một phần hội với số tiền 21.400.000 đồng khi đó dây hội chỉ có 36 phần. Tổng số tiền hai phần hội là 56.800.000 đồng. Sau lần cuối gom hội thì ông H và bà E tuyên bố bẻ hội vào khoảng tháng 3/2016 âm lịch. Đến nay ông H và bà E vẫn chưa thanh toán số tiền nợ hội cho bà. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà E trả cho bà số tiền còn nợ là 162.600.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông H thống nhất có tham gia giao dịch hội với bà T, đối với các dây hội mở ngày 30/5/2013, ngày 15/01/2013 (âl), ngày 30/01/2013 (âl) là đúng với tổng số phần tham gia và số phần bà T tham gia, số tiền hội còn nợ đúng như bà T trình bày. Đối với dây hội mở ngày 15/01/2015 bà T không có tham gia. Trong quá trình tham gia giao dịch hội thì ông có giao danh sách cho các hội viên. Trước đây ông và bà T có đối chiếu số tiền nợ hội và bà T đồng ý bớt tiền nợ hội cho ông, ông có ký nhận nợ cho bà T số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ nhưng khoản hơn 60.000.000 đồng. Biên nhận tiền ông đã giao cho bà T giữ, nay ông yêu cầu giữ y số tiền mà ông đã ký nhận nợ cho bà T. Việc ông tham gia giao dịch hội với bà T không liên quan gì với vợ ông là bà Phạm Thị Huỳnh E.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đỗ Hồng T. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Hồng T số tiền 162.600.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/4/2021, ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo các vấn đề cụ thể:

- Thứ nhất là tiền nợ hui: Ông H đồng ý trả cho bà T tổng số tiền là 59.330.000 đồng, cụ thể:

Dây hui thứ nhất: khai ngày 30/5/2013, lại hui 500.000 đồng, bà T đóng được 59 lần, tổng số tiền đã đóng là 17.700.000 đồng.

Dây thứ hai: Ngày 15/01/2013 (âl) hui 500.000 đồng, dây này bà T hót ngày 15/3/2015, đã giao đủ số tiền 29.860.000 đồng.

Dây thứ ba: Ngày 15/01/2015 (âl) hui 500.000 đồng, dây hui này bà T không có tham gia. Còn giấy hui bà T cung cấp cho tòa án không phải tên Điệp mà là tên Đức.

Dây thứ tư: Ngày 30/01/2013 (âl) loại hui 1.000.000 đồng, bà T tham gia 1 chung và đóng được 34 lần, tổng số tiền bà T đã đóng là 20.230.000 đồng.

Tổng số tiền bà T đã đóng là 59.330.000 đồng, ông đồng ý thanh toán lại cho bà T.

- Thứ hai là án phí: yêu cầu cấp phúc thẩm miễn toàn bộ án phí vì ông là người cao tuổi.

- Thứ ba: các dây hui do một mình ông đứng tên nên chỉ có ông có trách nhiệm thanh toán nợ không liên quan đến vợ ông là bà Phạm Thị Huỳnh E.

Phần tranh luận tại phiên tòa: ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Nội dung không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H về phần nội dung. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về phần án phí ông H được miễn do ông H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, bà Phạm Thị Huỳnh E phải chịu số tiền 4.065.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E thanh toán tiền nợ hui với tổng số tiền là 162.600.000 đồng. Ông H đồng ý thanh toán số tiền hui còn nợ là 59.330.000 đồng. Ông H và bà T có giao dịch hui, cụ thể ông H làm chủ hui, bà T là hui viên. Trong quá trình tham gia chơi hui thì danh sách hui có tên ông Điệp là chồng bà T, ông Điệp xác định thừa nhận khi giao dịch hui do bà T trực tiếp giao dịch nên tranh chấp hui với ông H thì ông Điệp giao cho bà T toàn quyền xử lý, định đoạt, thỏa thuận hay khởi kiện. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T nên ông H không đồng ý và có đơn kháng đơn.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông H và bà T không thống nhất được số chân hui đã tham gia và số tiền phải thanh toán nợ hui, bà T yêu cầu ông H thanh toán hui chết và tiền mua hui còn nợ tất cả bốn dây

hụi với tổng số tiền là 162.600.000 đồng. Ông H đồng ý thanh toán hụi sống của 03 dây hụi và một chân hụi mua với số tiền là 59.330.000 đồng.

[3] Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện 04 giấy hụi ngày 30/5/2013, ngày 15/01/2013, ngày 30/01/2013, ngày 15/01/2015 và một giấy thể hiện mua hụi và 1 một giấy hụi là ngày 30/5/2013.

[3.1] Tại đơn kháng cáo ông H cho rằng dây hụi ngày 15/01/2013 (âl) hụi 500.000đồng, dây hụi này bà T hốt ngày 15/3/2015, đã giao đủ số tiền 29.860.000 đồng nhưng ông H không cung cấp được giấy giao tiền hụi và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà T đã hốt chân hụi này. Nhưng ở phiên tòa sơ thẩm ông H lại thừa nhận bà T có tham gia hụi trên và đã đóng hụi như bà T trình bày và dây hụi này bà T tham gia hai chân nên việc ông H cho rằng đã giao số tiền 29.860.000 đồng là không phù hợp với số tiền hốt hụi vì dây hụi này bà T tham gia hai chân nên không thể hốt hụi ra số tiền 29.860.000 đồng như ông H trình bày.

[3.2] Đối với dây thứ ba mở ngày 15/01/2015 (âl) loại hụi 500.000 đồng, dây hụi này ông H cho rằng bà T không có tham gia. Xét thấy: bà T có cung cấp cho Tòa án một danh sách hụi phô tô, tại danh sách chữ Điệp đã được đồ lại bằng viết mực. Bà T cho rằng khi ông H giao giấy hụi cho bà là đã có, ông H thì cho rằng đó là chữ Đức không phải chữ Điệp. Hội đồng xét xử yêu cầu ông H cung cấp tên địa chỉ cụ thể của người tên Đức để Tòa án tiến hành xác minh nhưng ông H không cung cấp được và ông H cũng không cung cấp được bản chính của danh sách hụi trên. Ngược lại bà T lại cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của những người chơi hụi chung với bà T biết việc bà T tham gia chân hụi ngày 15/01/2015 như bà Liễu, bà Thu, ông Khởi.

[3.3] Đối với việc ông H yêu cầu trả lại cho bà T bằng số tiền bà T đã đóng vào nhưng ông H không cung cấp được sổ theo dõi do hụi viên đóng vào hàng tháng, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận khi đình hụi, các hụi viên đồng ý nhận lại bằng số tiền đã đóng vào. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H trả lại cho bà T bằng tiền bà T đã đóng vào.

[4] Ông H cho rằng nợ hụi là trách nhiệm một mình ông, không có liên quan đến vợ ông là bà Phạm Thị Huỳnh E nhưng tại bản án sơ thẩm buộc ông H và bà E cùng liên đới trả số nợ cho bà T nhưng bà Huỳnh Em không kháng cáo. Xét đây là quyền lợi của bà Huỳnh Em nhưng bà Huỳnh Em không có ý kiến gì nên xem như bà đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa ông H xác định giữa ông và bà Huỳnh Em là vợ chồng hợp pháp, tài sản chung nên việc ông kháng cáo cho rằng đây là nợ riêng một mình ông là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà Đỗ Hồng T 162.600.000 đồng là có căn cứ.

[5] Ông H là người cao tuổi nhưng ông H không có đơn xin miễn án phí nên án sơ thẩm buộc ông H chịu án phí là phù hợp. Ông H kháng cáo xin miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí cho

ông H theo quy định pháp luật. Do đó sửa án sơ thẩm phần này, cụ thể án phí sơ thẩm ông H bà Huỳnh Em phải nộp là 8.130.000 đồng, như vậy ông H được miễn $\frac{1}{2}$ là 4.065.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa án sơ thẩm về phần án phí, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí phúc thẩm: bị đơn không phải chịu, bị đơn đã được miễn dự nộp.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Hồng T số tiền 162.600.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Huỳnh E không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Nguyễn Thanh H được miễn toàn bộ. Buộc bà Phạm Thị Huỳnh E phải chịu 4.065.000 đồng (chưa nộp). Bà Đỗ Hồng T không phải chịu. Bà T đã nộp tạm ứng số tiền 4.538.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0012032 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại toàn bộ.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thanh H không phải chịu, ông H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào